



## 景文科技大學 113 學年度國際專修部錄取名單

### Danh sách trúng tuyển Hệ Dự bị đại học (1+4) năm học 113

#### Trường Đại học Khoa học Kỹ Thuật Cảnh Văn

序號	中文姓名	英文姓名	性別	正取生錄取系/科別
1	陳○○英	TRAN ○○ ANH	女	行銷與流通管理系
2	武○○江	VU ○ GIANG	女	行銷與流通管理系
3	陳○○如	TRAN ○ NHU	女	旅館管理系
4	杜○○銀	DO ○ NGAN	女	餐飲管理系管理組
5	張○○仁	TRUONG ○○ NHAN	女	行銷與流通管理系
6	潘○○薇	PHAN ○○ VY	女	旅館管理系
7	吳○○德	NGO ○ DUC	男	旅館管理系
8	李○○紅	LY ○○ HONG	女	旅館管理系
9	陳○○深	TRAN ○○ THAM	女	行銷與流通管理系
10	杜○○登	DO ○ DANG	男	旅館管理系
11	賴○○清	LAI ○ THANH	男	旅館管理系
12	林○○銀	LAM ○○ NGAN	女	旅館管理系
13	潘○○平	PHAN ○ BINH	女	旅館管理系
14	武○○重	VO ○ TRONG	男	旅館管理系
15	陳○○龍	TRAN ○○ LONG	男	行銷與流通管理系
16	阮○○芳	NGUYEN ○○ NGUYEN	女	行銷與流通管理系
17	黎○○達	LE ○ DAT	男	行銷與流通管理系
18	李○○黃	LY ○ HOANG	女	行銷與流通管理系
19	阮○○勝	NGUYEN ○ THANG	男	旅館管理系
20	石○○快	THACH ○ RUOL	男	旅館管理系
21	阮○○詩	NGUYEN ○○ THI	女	行銷與流通管理系
22	湖○○林	HO ○○ LAM	女	旅館管理系
23	林○○樂	LAM GIA LAC	男	旅館管理系
24	黎○○書	LE ○○ THU	女	餐飲管理系管理組
25	範○○恆	PHAM ○ HANG	女	行銷與流通管理系
26	阮○○敏	NGUYEN ○ MAN	男	行銷與流通管理系
27	武○○娟	VU ○ QUYEN	女	旅館管理系

28	阮○翠	NGUYEN ○ THUY	女	行銷與流通管理系
29	武○○娥	VU ○○ NGA	女	行銷與流通管理系
30	阮○○銀	NGUYEN ○○ NGAN	女	餐飲管理系管理組
31	張○○貞	TRUONG ○○ TRINH	女	旅館管理系
32	潘○泰	PHAN ○ TAI	男	旅館管理系
33	楊○○姮	DUONG ○○ HANG	女	旅館管理系
34	阮○○莊	NGUYEN ○○ TRANG	女	旅館管理系
35	阮○玉	NGUYEN ○ NGOC	女	旅館管理系
36	武○國	VO ○ QUOC	男	行銷與流通管理系
37	黃○達	HUYNH ○ DAT	男	餐飲管理系管理組
38	陳○○琪	TRAN ○○ THAM	女	旅館管理系
39	甲○玄	GIAP ○ HUYEN	女	旅館管理系
40	名○麗	Danh ○ KHELLY	女	旅館管理系
41	阮○深	NGUYEN ○ THAM	女	旅館管理系
42	黃○燈	HOANG ○ DANG	男	旅館管理系
43	武○和	VU ○ HOA	女	行銷與流通管理系
44	陳○○玉	TRAN ○○ NGOC	女	餐飲管理系管理組
45	阮○○秀	NGUYEN ○○ TU	男	資訊與通訊系
46	翁○維	ONG ○ DUY	男	行銷與流通管理系
47	阮○中	NGUYEN ○ TRUNG	男	旅館管理系
48	黃○○月	HOANG ○○ NGUYET	女	旅館管理系
49	華○楊	HOA ○ DUONG	女	旅館管理系
50	潘○春	PHAN ○ XUAN	女	旅館管理系
51	阮○○秋	NGUYEN ○○ THU	女	餐飲管理系管理組
52	杜○康	DO ○ KHANG	男	旅館管理系
53	阮○○玉	NGUYEN ○○ NGOC	女	行銷與流通管理系
54	阮○蘭	NGUYEN ○ LAN	女	旅館管理系
55	陳○○黎	TRAN ○ DAN LE	女	餐飲管理系管理組
56	胡○○江	HO ○○ GIANG	女	旅館管理系
57	阮○大	NGUYEN ○ DAI	男	行銷與流通管理系
58	阮○寧	NGUYEN ○ NINH	女	行銷與流通管理系
59	石○○心	THACH ○○ TAM	男	旅遊管理系休閒遊憩管理組
60	林○○書	LAM ○○ THU	女	旅館管理系
61	文○○瓊	VAN ○○ QUYNH	女	行銷與流通管理系
62	石○○莉	THACH ○○ RI	女	旅館管理系
63	廖○水	LIEU ○ THUY	女	旅館管理系
64	阮○媚	NGUYEN ○ MY	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
65	石○玗	THACH ○ HUYEN	女	餐飲管理系管理組
66	黃○慶	HUYNH ○ KHANH	男	餐飲管理系管理組
67	石○○軒	THACH ○○ KHA	女	旅館管理系
68	阮○楊	NGUYEN ○ DUONG	男	旅館管理系

69	阮○科	NGUYEN ○ KHOA	男	資訊與通訊系
70	盧○偉	LU ○ VY	男	旅館管理系
71	阮○緣	NGUYEN ○ DUYEN	女	旅館管理系
72	潘○瓊	PHAN MY QUYNH	女	行銷與流通管理系
73	李○	LY ○	男	旅館管理系
74	吳○貴	NGO ○ QUY	男	旅館管理系
75	阮○○香	NGUYEN ○○ HUONG	女	行銷與流通管理系
76	阮○○颺	NGUYEN ○○ DUONG	女	餐飲管理系管理組
77	鄧○娥	DANG ○ NGA	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
78	陳○○賢	TRAN ○○ HIEN	女	旅館管理系
79	黃○東	HUYNH ○ DONG	男	旅館管理系
80	黃○軍	HOANG ○ QUAN	男	行銷與流通管理系
81	阮○○瓊	NGUYEN ○○ QUYNH	女	餐飲管理系管理組
82	梅○玲	MAI ○ LINH	女	餐飲管理系管理組
83	陳○○加	TRAN ○○ THEM	女	餐飲管理系管理組
84	趙○幸	TRIEU ○ HANH	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
85	阮○○玲	NGUYEN ○○ LINH	女	旅館管理系
86	阮○○玄	NGUYEN ○○ HUYEN	女	餐飲管理系管理組
87	裴○明	BUI ○ MINH	男	旅遊管理系休閒遊憩管理組
88	杜○瓊	DO ○ QUYNH	女	旅館管理系
89	阮○財	NGUYEN ○ TAI	男	行銷與流通管理系
90	阮○閒	NGUYEN ○ NHAN	女	旅館管理系
91	阮○春	NGUYEN ○ XOAN	女	旅館管理系
92	梁○○媚	LUONG ○○ MY	女	旅館管理系
93	陸○○梅	LOC ○○ MAI	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
94	阮○維	NGUYEN ○ DUY	男	餐飲管理系管理組
95	談○玄	DAM ○ HUYEN	女	餐飲管理系管理組
96	阮○○香	NGUYEN ○○ HUONG	女	行銷與流通管理系
97	陳○○賢	TRAN ○○ HIEN	女	旅館管理系
98	阮○○緣	NGUYEN ○○ DUYEN	女	旅館管理系
99	黃○光	HOANG ○ QUANG	男	行銷與流通管理系
100	石○南	THACH ○ NAM	男	旅館管理系
101	丁○蘭	DINH ○ LAN	女	旅館管理系
102	範○○珍	PHAM ○○ TRAN	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
103	李○明	MUA ○ MINH	男	資訊與通訊系
104	林○○妝	LAM ○○ TRANG	女	旅館管理系
105	阮○○燕	NGUYEN ○○ YEN	女	行銷與流通管理系
106	梁○○蓉	LUONG ○○ DUNG	女	旅館管理系
107	梅○芸	MAI ○ VAN	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
108	阮○英	NGUYEN ○ ANH	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
109	農○江	NONG ○ GIANG	女	資訊與通訊系

110	阮○進	NGUYEN ○ TIEN	男	資訊與通訊系
111	石○欣	THACH ○ HAN	女	旅館管理系
112	陳○○貞	TRAN ○○ TRINH	女	旅館管理系
113	阮○芝	NGUYEN ○ CHI	女	旅館管理系
114	阮○○鶯	NGUYEN ○○ OANH	女	行銷與流通管理系
115	阮○○瓊	NGUYEN ○○ QUYNH	女	旅遊管理系休閒遊憩管理組
116	武○○銀	VU ○○ NGAN	女	旅館管理系
117	黎○○香	LE ○○ HUONG	女	餐飲管理系管理組
118	裴○○玉	BUI ○○ NGOC	女	餐飲管理系管理組
119	阮○○草	NGUYEN ○○ THAO	女	餐飲管理系管理組
120	阮○○桃	NGUYEN ○○ DAO	女	行銷與流通管理系

\*備注：正式錄取資格將以收到錄取通知書為準。

\*Tư cách trúng tuyển sẽ được thông báo qua email.